

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Đề án Chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 53/TTr-STTTT ngày 09/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2025 (Có Đề án, phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Đề án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Q.Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị;
 - + Lưu: VT, KGVX.Dùng.

Q. CHỦ TỊCH

Mai Sơn

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Ngày 27/9/2019, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030. Định hướng Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với một số chỉ số cơ bản.

Chuyển đổi số tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chuyển đổi số gắn với sự phát triển nhanh và bền vững. Vì vậy, cần thiết xây dựng Đề án chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2025 để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

II. CĂN CỨ

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2024;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Thông báo Kết luận số 344/TB-VPCP ngày 24/7/2024 tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2024 về Chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy Bắc Giang về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Các văn bản khác có liên quan.

III. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1012/QĐ-TTg 20/09/2024 về việc ban hành Kế

hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/1/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024; và định hướng chuyển đổi số của các Bộ, ngành, Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy Bắc Giang về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị, nâng cao đời sống Nhân dân; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, hướng tới xây dựng tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, vững chắc.

Xác định mục tiêu và những định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức xác định và triển khai kế hoạch chuyển đổi số cụ thể của mình.

Xây dựng Đề án chuyển đổi số góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025: “Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử”.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

Phạm vi của đề án: Đánh giá hiện trạng chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2023 và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang thực hiện năm 2025.

Đối tượng của đề án: Các cơ quan, đơn vị nhà nước các cấp; doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

PHẦN 2. HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

I. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Bắc Giang nằm ở khu vực chuyển tiếp từ vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến vùng đồng bằng Sông Hồng, thuộc vùng thủ đô Hà Nội và nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tỉnh có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi với hệ thống đường bộ, đường sắt và đường sông đảm bảo kết nối thuận lợi với cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng nội địa Gia Lâm, cảng nước sâu Cái Lân, cảng Hải Phòng, các cửa khẩu quốc tế trên biên giới Lạng Sơn và các tỉnh trong khu vực. Với diện tích tự nhiên là 389.589 ha.

Bắc Giang là tỉnh có dân số đông, năm 2023 dân số của tỉnh trên 1.922.700 người (đứng thứ 12 cả nước); mật độ dân số 493 người/km², gấp 1,5 lần mật độ dân số bình quân của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 3.950 USD/người.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Giang đạt 13,45%, đứng đầu cả nước, cao gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 64%; khu vực dịch vụ chiếm 20%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14%; khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 2%.

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) cả năm đạt 541.169 tỷ đồng. Khu vực doanh nghiệp FDI vẫn là khu vực đóng góp chính vào phát triển công nghiệp của tỉnh; giá trị sản xuất khu vực này đạt hơn 439.178 tỷ đồng, chiếm 81% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; giá trị sản xuất khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 90.949 tỷ đồng, chiếm 17%.

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản duy trì tăng trưởng, khẳng định là vai trò trụ đỡ của nền kinh tế. Giá trị sản xuất toàn ngành cả năm đạt 40.516 tỷ đồng. Các loại cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp được quan tâm và nhân rộng.

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023 diễn ra sôi động với mức tăng trưởng cao ở nhiều ngành như: doanh thu bán lẻ; doanh thu dịch vụ ăn uống; dịch vụ lưu trú; doanh thu vận tải....

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đạt 15.943 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa khoảng 14.297 tỷ đồng; thu thuế xuất nhập khẩu khoảng 1.630,6 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách cả năm 37.868,6 tỷ đồng; trong đó một số khoản chi lớn như chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý đạt 14.977,3 tỷ đồng; chi thường xuyên 12.109,3 tỷ đồng.

Đời sống dân cư trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Chương trình giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2023 là 2,63%; tỷ lệ hộ cận nghèo là 3,4%.

Hoạt động giáo dục và đào tạo: Toàn tỉnh hiện có 760 cơ sở giáo dục, trong đó có: 252 trường mầm non; 220 trường tiểu học; 209 trường trung học cơ sở; 22 trường tiểu học và trung học cơ sở; 48 trường trung học phổ thông; 9 trung tâm. Toàn tỉnh có 710 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, có 155 trường đạt chuẩn mức độ 2. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm, chỉ đạo, duy trì vững chắc, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hoạt động y tế: Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho ngành y tế, nhất là phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ tại Trung tâm Y tế cấp huyện và trạm y tế tuyến xã. Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực y tế; tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 100%.

Hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch: Trong năm, tỉnh xếp hạng 05 di tích cấp tỉnh; hỗ trợ tu bổ 23 di tích. Lượng khách du lịch cả năm đạt khoảng 2,05 triệu lượt khách; tổng doanh thu từ các hoạt động kinh doanh du lịch đạt 1.450 tỷ đồng.

Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

Định hướng phát triển kinh tế xã hội: Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, đã đặt mục tiêu tổng quát đến năm 2025: “Đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc; có tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước. Phân đầu Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về quy mô GRDP; thu nhập bình quân đầu người (GRDP/người/năm) cao hơn bình quân cả nước. Vị thế, hình ảnh tỉnh Bắc Giang tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới”.

Theo đó, đã xác định 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, 4 nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá với các lĩnh vực ưu tiên phát triển, trong đó có 1 lĩnh vực trực tiếp của chuyển đổi số: “Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử”. Các lĩnh vực còn lại cũng liên quan đến chuyển đổi số gồm công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, giao thông, cụ thể:

(1) Phát triển nhanh công nghiệp - xây dựng với tốc độ cao, lấy công nghiệp làm trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các lĩnh vực khác.

(2) Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

(3) Hình thành một số khu du lịch, dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh, hạ tầng dịch vụ, du lịch ở thành phố Bắc Giang và trung tâm các huyện.

(4) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dạy nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(5) Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh; củng cố hệ thống y tế dự phòng. Nâng cao chất lượng điều trị thật sự ở các cơ sở, các tuyến y tế, trọng tâm là tuyến tỉnh và tuyến huyện. Xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện.

(6) Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục và y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

II. HIỆN TRẠNG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Thể chế số

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng cơ chế chính sách, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

a) Cơ chế chính sách chung của cả nước

Để triển khai thúc đẩy quá trình chuyển đổi số xây dựng Chính phủ số, Trung ương đã ban hành nhiều văn bản, chính sách pháp luật về chuyển đổi số như:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

- Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 4/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Các văn bản này có ý nghĩa quan trọng, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, cụ thể hóa những nội dung cơ bản về chuyển đổi số, nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hoá các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng cơ chế chính sách, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Nhằm cụ thể hóa những chỉ đạo, quy định của Trung ương, trong thời qua, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số. Các văn bản đã được tỉnh triển khai đầy đủ, hiệu quả, điển hình như:

Tỉnh uỷ Bắc Giang ban hành Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 về chuyển đổi số giai đoạn 2021- 2025 định hướng đến năm 2030 nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định giảm 50% mức thu phí, lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.

UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang, trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban; Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh là Phó Trưởng ban thường trực; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông là Phó Trưởng ban; 16 Ủy viên là thủ trưởng, giám đốc các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; Giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh có Tổ Thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo; Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các sở, ngành, Trưởng Ban chỉ đạo là Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở là Phó Trưởng ban, Chánh văn phòng Sở là thành viên thường trực, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở là thành viên Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện: Trưởng Ban chỉ đạo là Chủ tịch UBND huyện, Phó Chủ tịch UBND huyện là Phó Trưởng BCD, Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin là Phó trưởng Ban Chỉ đạo, các thành viên là Trưởng các cơ quan, phòng ban chuyên môn thuộc huyện.

Thực hiện Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/07/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện; UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh, gồm các lĩnh vực: Báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn.

Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20/04/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực số cho thanh thiếu niên tỉnh Bắc Giang, phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 17/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang năm 2023; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 06/08/2023 về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và

một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh về triển khai Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 547/KH-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 17/08/2023 nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...

1.2. Công tác tuyên truyền, nhận thức về chuyển đổi số

Bên cạnh việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện, tỉnh vẫn thường xuyên công tác kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, tính cấp thiết triển khai chuyển đổi số. Bước đầu thúc đẩy công tác cải cách hành chính và đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cụ thể:

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được triển khai đồng bộ và hiệu quả trên nhiều kênh: Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí địa phương và trung ương, sử dụng công nghệ hiện đại và đa dạng hóa kênh truyền thông số. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát sóng 34 tin, phóng sự về chuyển đổi số, trong khi Báo Bắc Giang đăng 15 bài về chủ đề này. Các báo trung ương cũng đóng góp với hơn 90 tin, bài liên quan. Công an tỉnh tích cực tham gia với 1.576 tin, bài trên trang thông tin điện tử, thu hút 135.570 lượt xem. Cổng thông tin điện tử tỉnh đã cập nhật 2.896 tin, bài, văn bản trong quý III/2024, thu hút gần 65 triệu lượt truy cập và thực hiện phiên dịch 444 tin, bài sang nhiều ngôn ngữ. Tỉnh đoàn cũng đóng góp đáng kể với 25 ấn phẩm truyền thông và 105 tin bài về chuyển đổi số, mỗi sự kiện trên nền tảng số thu hút trên 5.000 người theo dõi. Nội dung tuyên truyền bao quát nhiều lĩnh vực, từ chính quyền số, y tế, giáo dục đến nông nghiệp và thương mại điện tử, nhằm nâng cao nhận thức toàn diện về chuyển đổi số trong cộng đồng.

2. Hạ tầng số¹

Trong thời gian qua, hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước của tỉnh đã được đầu tư nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo điều kiện kỹ thuật cung cấp các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Hạ tầng máy tính: Đạt 100% các cơ quan nhà nước các cấp đã trang bị máy tính, với số lượng cán bộ, công chức nhà nước các cấp được trang bị máy tính phục vụ công việc ngày càng tăng, góp phần tạo môi trường làm việc điện tử

¹ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

rộng khắp, tăng năng suất, hiệu quả công việc. Trong đó, đến nay có 1,2 máy tính/cán bộ.

Hạ tầng mạng: 100% các đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có hệ thống mạng nội bộ, kết nối Internet tốc độ cao và mạng diện rộng của tỉnh để triển khai các ứng dụng trong công việc. Thực hiện thuê đường truyền số liệu chuyên dùng của VNPT kết nối từ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đến 100% cấp huyện, cấp xã và 10 Văn phòng quản lý đất đai cấp huyện; thuê đường truyền mạng WAN kết nối các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đảm bảo vận hành các ứng dụng dùng chung hiện có của tỉnh Bắc Giang.

Hoàn thành triển khai dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở kế thừa hạ tầng hiện có tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, theo hướng công nghệ điện toán đám mây, kiến trúc siêu hội tụ, năng lực tính toán song song, xử lý dữ liệu lớn, đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh.

Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang đã được đầu tư xây dựng và hoạt động ổn định. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang; ban hành Quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường tỉnh Bắc Giang. Kết quả hoạt động: đã bố trí hạ tầng máy chủ, đường truyền, phân công cán bộ kỹ thuật trực, vận hành hệ thống ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn an ninh thông tin; hệ thống chỉ đạo điều hành, hệ thống kết nối tích hợp - dashboard; hệ thống thông tin phản ánh hiện trường; hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế – xã hội; hệ thống ứng dụng trên di động dành cho cán bộ, công nhân viên trong tỉnh đã xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành hoạt động hiệu quả. Đến nay, hệ thống thông tin phản ánh hiện trường duy trì hiệu quả với 13.196 tài khoản, trong đó có 10.712 tài khoản công dân và 2.484 tài khoản cán bộ tiếp nhận, xử lý. Trong Quý III năm 2024, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp nhận 82 phản ánh, với 70,7% được xử lý đúng hạn và 29,3% bị từ chối do không đủ điều kiện. Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai thuê dịch vụ Hệ thống quản trị thực thi trên các nền tảng số để nâng cao hiệu quả chỉ đạo và điều hành của tỉnh.

Hệ thống Hội nghị họp trực tuyến đã triển khai từ tỉnh đến 100% cấp huyện, cấp xã, phục vụ 97 cuộc họp. Hạ tầng kỹ thuật Hội nghị họp trực tuyến của tỉnh hoạt động ổn định, phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến 4 cấp (Trung ương - tỉnh - huyện - xã).

Công an tỉnh tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan duy trì, vận hành 1.305 camera (trong đó có 22 camera thông minh, 125 camera giao thông, 1.159 camera an ninh) để khai thác hình ảnh hệ thống camera phục vụ công tác điều tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về hình sự; khai thác chức năng camera giao thông gửi thông báo phạt nguội.

3. Chính quyền số²

3.1. Nền tảng số

Tỉnh Bắc Giang là một trong những tỉnh đi đầu trong việc kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia từ nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP) đến nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) với 17 dịch vụ đến các Bộ, ngành Trung ương, kết nối nội tỉnh thông qua LGSP 02 dịch vụ; là một trong số 10 tỉnh đầu tiên trong cả nước tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3.2. Dữ liệu số

Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang đã được đầu tư xây dựng đáp ứng theo kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh (phiên bản 2.0) và các quy định, yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông. Qua 02 giai đoạn đầu tư (giai đoạn 1 năm 2022 và hoàn thành giai đoạn 2 năm 2023); hiện tại, Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang được đầu tư hoàn thiện với 02 nền tảng chính: (1) Nền tảng tích hợp (thực hiện tích hợp động thông qua API, tích hợp thông qua Agent, tích hợp dữ liệu từ các file Template Excel), lưu trữ và làm sạch dữ liệu; (2) Nền tảng tổng hợp, phân tích, khai phá dữ liệu. Đến nay, Kho dữ liệu số của tỉnh đã tích hợp, lưu trữ 39 danh mục dữ liệu dùng chung, 92 danh mục dữ liệu mở để phục vụ chia sẻ, khai thác sử dụng dùng chung cho các cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông đang tiếp tục thực hiện tích hợp dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở về Kho dữ liệu số của tỉnh theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh.

Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang (Open Data) đã được xây dựng và phát triển, cung cấp 94 danh mục dữ liệu mở theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

Cổng thông tin không gian đô thị (SDI) của tỉnh đã được xây dựng, từng bước phát triển để tạo nền tảng để triển khai các ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý phát triển đô thị nhằm thúc đẩy tiến trình xây dựng phát triển đô thị thông minh.

Phần mềm, dữ liệu chuyên ngành: Trong những năm qua, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tăng cường triển khai, ứng dụng nhiều phần mềm chuyên ngành, từng bước xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, tiến hành chuẩn hóa nhằm cung cấp rộng rãi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi tối đa cho lưu thông dữ liệu trong tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử. Các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiêu biểu:

+ Phần mềm quản lý tài sản; phần mềm TABMIS (hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc); phần mềm quản lý ngân sách; phần mềm quản lý thu

² Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

thuế; phần mềm kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp; phần mềm quản lý giá cả hàng hóa và phần mềm quản lý mã số đơn vị quan hệ với ngân sách... (Sở Tài chính).

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu kho lưu trữ tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động, hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và các cơ sở dữ liệu thành phần (cơ sở dữ liệu thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai, cơ sở dữ liệu giá đất), hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang... (Sở Tài nguyên và Môi trường).

+ Phần mềm quản lý đối tượng người có công; phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; phần mềm quản lý thông tin người khuyết tật, người cao tuổi... (Sở Lao động Thương binh và Xã hội).

+ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp; Phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính; Phần mềm thống kê ngành Tư pháp; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Phần mềm thuộc hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch; Phần mềm về quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý... (Sở Tư pháp).

+ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về hệ thống theo dõi, đánh giá, xác định chỉ số CCHC (PAR Index) tỉnh Bắc Giang; phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý về quản lý cán bộ công chức, viên chức, bộ máy, biên chế toàn tỉnh; cơ sở dữ liệu về quản lý kho lưu trữ điện tử (Sở Nội vụ).

Các cơ sở dữ liệu quốc gia như: (1) Bảo hiểm xã hội; (2) Đăng ký doanh nghiệp; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (4) Hộ tịch; (5) Lý lịch tư pháp; (6) Cấp mã số quan hệ ngân sách; (7) Văn bản quy phạm pháp luật; (8) Bưu chính công ích (VNPost); (9) Danh mục dùng chung; (10) Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia quốc gia về giá; (11) Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Xây dựng; (12) Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia Bộ Giao thông Vận tải; (13) Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia bộ Tài nguyên và Môi trường đều được triển khai tại tỉnh và kết nối, chia sẻ thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

Kết quả chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các sở, ngành, đơn vị, địa phương: Công an tỉnh đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã sử dụng dịch vụ xác thực thông tin công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và duy trì kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Kết quả cấp căn cước công dân, định danh điện tử: Công an tỉnh đã hoàn thành cấp căn cước công dân cho 1.609.226 trường hợp (đạt 100% công dân đủ điều kiện trên địa tỉnh), đã kích hoạt được 1.298.474 trường hợp, hoàn thành kích hoạt cho 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

Công tác làm sạch dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”: Hiện nay, toàn tỉnh Bắc Giang đã thu thập được 2.034.961 dữ liệu công dân. Công an tỉnh đã thực hiện làm sạch 100% đối với các chỉ tiêu làm sạch của Bộ Công an giao

như: Thu thập, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu dân cư, cập nhật CMND 9 số, bổ sung thông tin còn thiếu, rà soát thông tin công dân đóng bảo hiểm Khu công nghiệp, xoá trùng công dân.

3.3. Ứng dụng, dịch vụ số

a) Hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh: Đã được triển khai đồng bộ tại 100% các cơ quan sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Với 100% cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong xử lý công việc. Tuy nhiên, mức độ sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự được thường xuyên.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Giang được xây dựng dùng chung và áp dụng thống nhất, phục vụ việc gửi, nhận, quản lý và lưu trữ văn bản, hồ sơ, tài liệu điện tử; xử lý thông tin, giải quyết công việc, theo dõi thực hiện chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước và cấp uỷ Đảng thuộc 03 cấp trong tỉnh và liên thông với trực văn bản quốc gia với trên 17.575 tài khoản. 100% các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc liên thông 4 cấp để thực hiện gửi, nhận và xử lý hồ sơ văn bản trên môi trường mạng. Hệ thống được tích hợp giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, tích hợp ký số trên phần mềm với 10.850 chứng thư số (Trong đó: tổ chức: 2.538 chứng thư, cá nhân: 9.312 chứng thư).

Cổng thông tin điện tử cơ quan hành chính nhà nước gồm: 01 cổng thông tin điện tử của tỉnh (bacgiang.gov.vn) và 100% cổng thành phần của các đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã được xây dựng, nâng cấp, đáp ứng các yêu cầu và các tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông đang thực hiện xây dựng nền tảng giao tiếp số giữa Chính quyền với người dân và doanh nghiệp và tiếp tục duy trì, phát triển các hệ thống thông tin dùng chung và các phần mềm phục vụ chỉ đạo điều hành và chuyên ngành như: Hệ thống Phòng họp không giấy tờ; Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành; Phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh...

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được phát triển trên cơ sở hợp nhất hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công. Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện rà soát, đánh giá, cấu trúc lại quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đang được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm; chuẩn hóa, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia và dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo Đề án 06 của Chính phủ và bổ sung các phân hệ chức năng phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; tiếp tục thực hiện 25/25 dịch vụ công thiết yếu được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Ngoài ra, Sở Thông tin và

Truyền thông thực hiện xây dựng Hệ thống trợ lý ảo (AI) hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính, chuyển đổi tài khoản công dân sang VneID và kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Kho dữ liệu điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, Sở Thông tin và Truyền thông đã hoàn thiện biểu mẫu điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho 36 dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy. Các hoạt động này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời thực hiện theo các quyết định và kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Đề án 06 của Chính phủ.

Kết quả tổ chức triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Để triển khai số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện nhiều biện pháp quan trọng như chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn thường xuyên xuyên rà soát, kiểm tra để đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoạt động ổn định 24/7; cán bộ kỹ thuật được bố trí trực vận hành hệ thống tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và hỗ trợ người dùng qua nhiều kênh như Zalo, điện thoại, hỗ trợ trực tiếp và các hội nghị tập huấn. Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã phát triển các công cụ hỗ trợ số hóa hồ sơ điện tử, bao gồm hỗ trợ đổi tên tệp tin, tự động chuyển đổi phiên bản PDF và ký số trên phần mềm. Đến nay, đã hoàn thành việc số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, đảm bảo khả năng tái sử dụng dữ liệu.

4. Kinh tế số

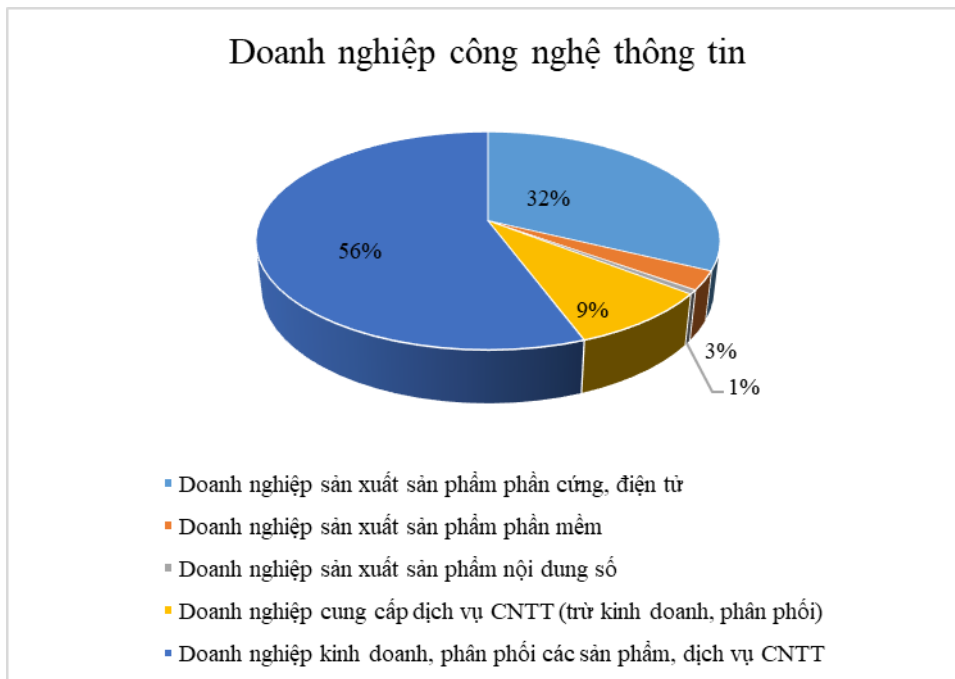
Năm 2022, tỉnh Bắc Giang xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố về kinh tế số; và xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố về hoạt động kinh tế số, ước tính tỷ trọng kinh tế số trên GRDP của tỉnh năm 2022 đạt 42,13%, thuộc top 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu về tỷ trọng giá trị gia tăng kinh tế số ICT/GRDP, top 05 địa phương có doanh thu sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính cao nhất, cụ thể:

4.1. Phát triển công nghiệp công nghệ số³

Năm 2023, toàn tỉnh có 1.960 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, trong đó có 32% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử; 3% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm; 1% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số; 56% doanh nghiệp kinh doanh phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin (các thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị điện tử viễn thông) và 9% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin (trừ kinh doanh, phân phối).

Chỉ số công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh Bắc Giang đứng thứ 7/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố về chỉ số sản xuất công nghệ thông tin; xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố về chỉ số dịch vụ công nghệ thông tin; xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố về chỉ số kinh doanh công nghệ thông tin.

³ Nguồn: Phiếu thu thập số liệu về hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông năm 2024



Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Doanh thu công nghệ thông tin năm 2023 đạt 319.548.144 triệu đồng (trong đó, doanh thu về sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử đạt 315.401.460 triệu đồng; doanh thu về sản xuất sản phẩm phần mềm đạt 34.725 triệu đồng; doanh thu về sản xuất sản phẩm nội dung số đạt 10.200 triệu đồng; doanh thu về cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin đạt 1.100.635 triệu đồng; doanh thu kinh doanh phân phối sản phẩm công nghệ thông tin đạt 3.001.124 triệu đồng). Giá trị xuất khẩu đạt 8.963 triệu USD. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đạt 1.691.233 triệu đồng (trong đó, nộp ngân sách nhà nước về sản xuất công nghệ thông tin đạt 1.672.226 triệu đồng). Số lượng lao động công nghệ thông tin là 200.540 người. Một số doanh nghiệp tiêu biểu gồm: Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang, Công ty TNHH Hosiden Việt Nam, Công ty TNHH Luxshare-ICT Việt Nam, Công ty TNHH SiFlex Việt Nam.

4.2. Phát triển thương mại điện tử

Năm 2023, chỉ số xếp hạng về thương mại điện tử Việt Nam, tỉnh Bắc Giang đứng thứ 17/58 tỉnh, thành phố được điều tra. Trong đó, chỉ số nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin đứng thứ 25/58; chỉ số doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C) đứng thứ 16/58; chỉ số giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) đứng thứ 17/58.

Về hạ tầng và nguồn nhân lực: Hiện nay, 100% doanh nghiệp đã đầu tư thiết bị máy tính có kết nối internet, 90% doanh nghiệp thường xuyên giao dịch kinh doanh đặt hàng qua mạng. Một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành, các phần mềm ứng dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên địa bàn tỉnh đã có nhiều doanh nghiệp có lao động chuyên trách về thương mại điện tử. Đa phần các doanh nghiệp đều thường xuyên sử dụng email

để trao đổi trong công việc cũng như giao dịch với các đối tác, khách hàng để tối giảm chi phí và thời gian. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã lựa chọn hình thức quảng bá, kết nối giao tiếp thông qua các công cụ hỗ trợ như Facebook Messenger, Zalo, Viber..., đây là kênh thông tin tuy đơn giản, nhưng lại vô cùng hiệu quả và có tầm ảnh hưởng rộng lớn, giúp doanh nghiệp vừa có thể giới thiệu sản phẩm vừa nhận được thông tin phản hồi nhanh chóng từ khách hàng.

Về giao dịch thương mại điện tử doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C): Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh đã dần chuyển hướng, chú trọng xây dựng website, vận hành hệ thống kinh doanh qua các công cụ trực tuyến như mạng xã hội, website thương mại điện tử và tham gia sàn thương mại điện tử nhằm tiết kiệm thời gian và đạt hiệu quả cao, kinh doanh tốt hơn.

Tỷ lệ doanh nghiệp xây dựng website để giới thiệu, quảng bá, giao dịch bán hàng, trao đổi thông tin tìm kiếm mở rộng thị trường ngày càng tăng. Trong đó, hầu hết các doanh nghiệp có website đều cập nhật đầy đủ thông tin về giới thiệu, quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp. Với sự phát triển nhanh chóng của Internet và mạng xã hội, kinh doanh trên mạng xã hội cũng đang được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chú trọng, với trên 60% doanh nghiệp tham gia (cao hơn so với trung bình cả nước 58%).

Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng di động còn chiếm tỷ lệ thấp, ước tính có khoảng 26% doanh nghiệp tham gia (xấp xỉ so với trung bình cả nước 24%). Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số mới chỉ đạt 2,7%. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp đã xây dựng website nhưng vẫn chỉ dừng ở mức cung cấp thông tin sản phẩm, dịch vụ chưa có chức năng bán hàng, thanh toán trực tuyến trên website. Môi trường xã hội và tập quán kinh doanh cùng với nhận thức của người dân cũng là một trong những trở ngại phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới.

Về giao dịch thương mại điện tử doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B): Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã quan tâm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động văn phòng, quản lý điều hành, tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm ứng dụng các phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán tài chính, phần mềm quản lý khách hàng (CRM), quản lý chuỗi cung ứng (SCM) và quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Đa phần các doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng hoặc đặt hàng trực tuyến thông qua email và mạng xã hội. Khoảng 60% doanh nghiệp có sử dụng chữ ký điện tử (thấp hơn so với trung bình cả nước 74%); 43% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch (cao hơn so với trung bình cả nước 41%).

Kết quả triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử và khai thuế qua mạng trên địa bàn toàn tỉnh: Đến nay, tỉnh Bắc Giang đạt 100% tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử; 100% doanh nghiệp thực hiện khai thuế qua mạng.

Tỉnh đã xây dựng và vận hành sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp bắt kịp phát triển thương mại điện tử, đặc biệt đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, cơ sở sản xuất.

Năm 2024, Sở Công Thương đã phối hợp với Cục Thương mại điện tử & Kinh tế số, Bộ Công Thương tích cực tổ chức nhiều hoạt động tập huấn, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử, như: 01 Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực thực thi pháp luật và ứng dụng, giải pháp trong thương mại điện tử cho hơn 80 cán bộ sở, ngành... làm công tác quản lý nhà nước tại tỉnh Bắc Giang; 05 Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức về thương mại điện tử cho cho 130 học viên là đại diện các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh và cho 650 học sinh, sinh viên tại các trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn, Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp, Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường. Thực hiện tuyên truyền giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số (SMEdx) và nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển ứng dụng các sản phẩm công nghệ số... thông qua hỗ trợ trực tiếp tại phòng Đăng ký kinh doanh, bộ phận một cửa của Sở và qua mạng xã hội, cụ thể: Trong 9 tháng đầu năm 2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hỗ trợ thành lập mới 185 doanh nghiệp công nghệ số; tổ chức 10 lớp đào tạo cho gần 700 lượt người về khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh và chuyển đổi số.

UBND cấp huyện đã tích cực thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (như tuyên truyền triển khai các chợ, điểm bán hàng dân sinh không dùng tiền mặt trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện, tuyên truyền tới người dân và phát động đoàn viên thanh niên, người dân trên tham gia hưởng ứng, mua bán và thanh toán hàng hóa không dùng tiền mặt), hỗ trợ đưa hộ dân lên sàn thương mại điện tử, hướng dẫn và hỗ trợ tem nhãn, truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm địa phương, cũng như tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm qua các kênh truyền thông.

4.3. Phát triển nông nghiệp⁴

Trong thời gian qua, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, trong đó tập trung: xây dựng bộ dữ liệu đề số hóa toàn bộ các vùng sản xuất tập trung, gắn với sổ nhật ký điện tử để truy xuất nguồn gốc sản phẩm; cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, cấp mã số định danh cho các trang trại, hộ chăn nuôi theo yêu cầu của các thị trường tiêu thụ nông sản.

Đồng thời, xây dựng mã QRcode, tiêu thụ nông sản qua nền tảng online, sàn thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ máy bay không người lái để phun

⁴ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

thuốc bảo vệ thực vật, bón phân, gieo hạt giống... Cùng đó, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và dịch bệnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tích cực duy trì hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về chăn nuôi tỉnh Bắc Giang, phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý về cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và kết quả thanh kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ sở dữ liệu về thủy sản và triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; xây dựng mới cơ sở dữ liệu về công trình đê điều, thủy lợi và các sản phẩm, khu vực trồng trọt nông nghiệp trọng điểm. Đặc biệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai nhiều mô hình ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực thủy sản, trồng trọt và lâm nghiệp, bao gồm việc ứng dụng công nghệ Biofloc trong nuôi trồng thủy sản, sử dụng máy bay không người lái trong nông nghiệp và lâm nghiệp. Các dự án này nhằm hiện đại hóa ngành nông nghiệp, tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

4.4. Phát triển du lịch⁵

Trong thời gian qua, tỉnh đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quảng bá và kinh doanh du lịch, góp phần thúc đẩy rất lớn cho lĩnh vực này. Tỉnh đã triển khai xây dựng hệ thống Cổng thông tin du lịch tỉnh số tỉnh Bắc Giang cung cấp các thông tin tiện ích du lịch trên địa bàn về các địa điểm di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh, khách sạn, nhà hàng, ẩm thực... cho du khách bằng tiếng Việt. Song song với xây dựng cổng thông tin du lịch, việc phát triển và đưa vào hoạt động ứng dụng du lịch Bắc Giang trên thiết bị di động cũng đã được triển khai. Theo đó, du khách dùng điện thoại di động thông minh (smartphone) truy cập vào ứng dụng này, có thể dễ dàng tìm kiếm các thông tin du lịch cần thiết, có chỉ dẫn địa chỉ cụ thể, hỗ trợ lên lịch trình du lịch phù hợp, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí trong chọn lựa sản phẩm dịch vụ du lịch cũng như trải nghiệm du lịch được tốt hơn. Tất cả đều được số hóa, định vị trên bản đồ để hỗ trợ du khách, người dân trong các trường hợp cần thiết.

Bên cạnh đó, tỉnh Bắc Giang cũng đã từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số trong du lịch, hướng tới hình thành, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tiếp tục duy trì, vận hành, sử dụng các phần mềm Quản lý di sản văn hóa, phần mềm Toàn dân đoàn kết, phần mềm Quản lý hiện vật tại Bảo tàng tỉnh, Cổng du lịch thông minh, Hệ thống du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ 3D/360 trong công tác thông tin, quảng bá du lịch tỉnh Bắc Giang.

Nhiều khách sạn, công ty du lịch của tỉnh đã cơ bản ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh như triển khai ứng dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý đặt phòng.... Ngoài ra, đã có một số khách sạn và

⁵ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

công ty du lịch lớn xây dựng trang thông tin điện tử với các nội dung chủ yếu về giới thiệu công ty, cung cấp thông tin sản phẩm, tổ chức mua bán tour, đặt phòng trực tuyến cho du khách trong và ngoài nước, giúp giảm thời gian và chi phí cho thực hiện công việc này.

Một số doanh nghiệp trong tỉnh đã lựa chọn hình thức quảng bá thông qua mạng xã hội (như facebook, youtube...), đây là kênh thông tin tuy đơn giản, nhưng lại vô cùng hiệu quả và có tầm ảnh hưởng rộng lớn, giúp doanh nghiệp vừa có thể giới thiệu, quảng bá, vừa nhận được thông tin phản hồi nhanh chóng từ khách du lịch.

4.5. Phát triển tài nguyên và môi trường⁶

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang (Dự án VILG) để đưa vào vận hành đối với các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai của 06 huyện gồm: Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên, Lục Nam, Yên Thế. Tiếp tục vận hành ổn định nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng của ngành như kho lưu trữ tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động; cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản; cơ sở dữ liệu nền địa lý và đo đạc bản đồ; hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn thải; và các cơ sở dữ liệu thành phần (cơ sở dữ liệu thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai, cơ sở dữ liệu giá đất). Đặc biệt, tính đến tháng 9/2024, hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai đã số hóa được 768.494 hồ sơ. Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị đánh giá và tìm giải pháp cho các huyện chưa hoàn thành. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tiến hành thuê phần mềm và hạ tầng kỹ thuật để vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai VLIG, đồng thời triển khai xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đang chuẩn bị triển khai dự án giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

5. Xã hội số

Hoạt động xã hội số của tỉnh Bắc Giang năm 2022 xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố. Tỉnh Bắc Giang đã thành lập 209/209 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, 1.891/1.891 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn (hợp nhất với Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP cấp thôn) đạt 100% với khoảng 18.000 thành viên.

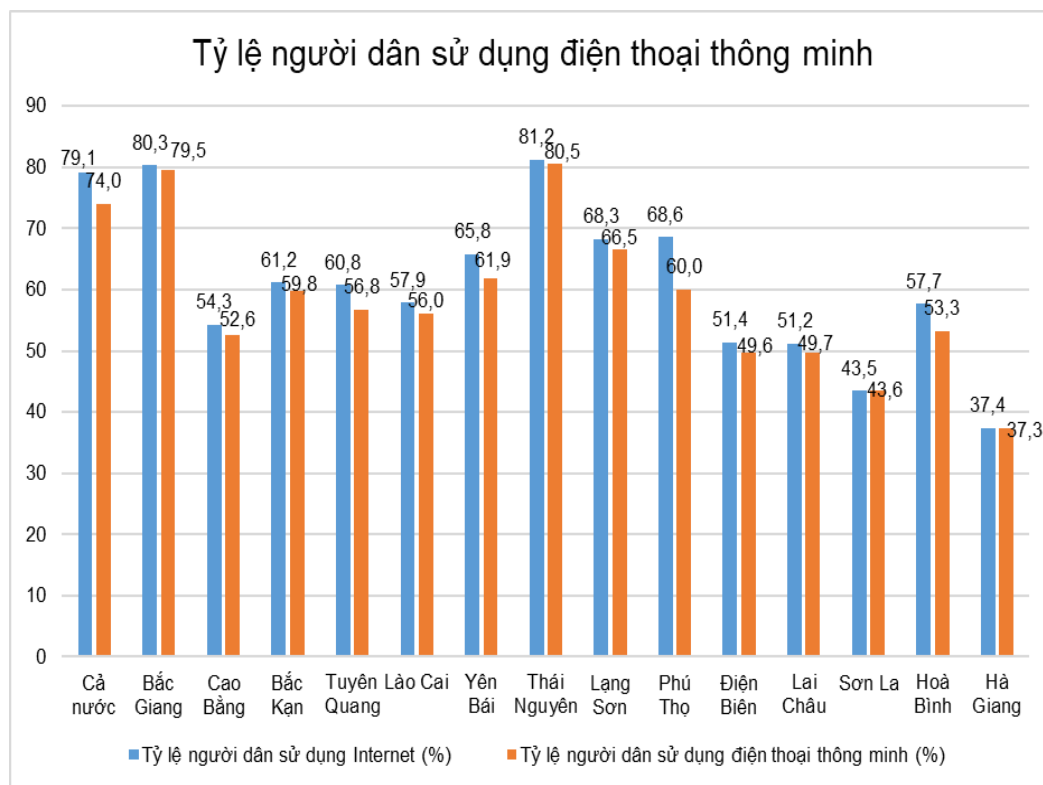
Với hạ tầng thông tin và truyền thông rộng khắp, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã góp phần giảm khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

5.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống xã hội

Hiện nay, tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bắc Giang kết nối Internet đạt khoảng 78% (cao hơn so với trung bình cả nước - 69,8%). Tỷ lệ người dân sử

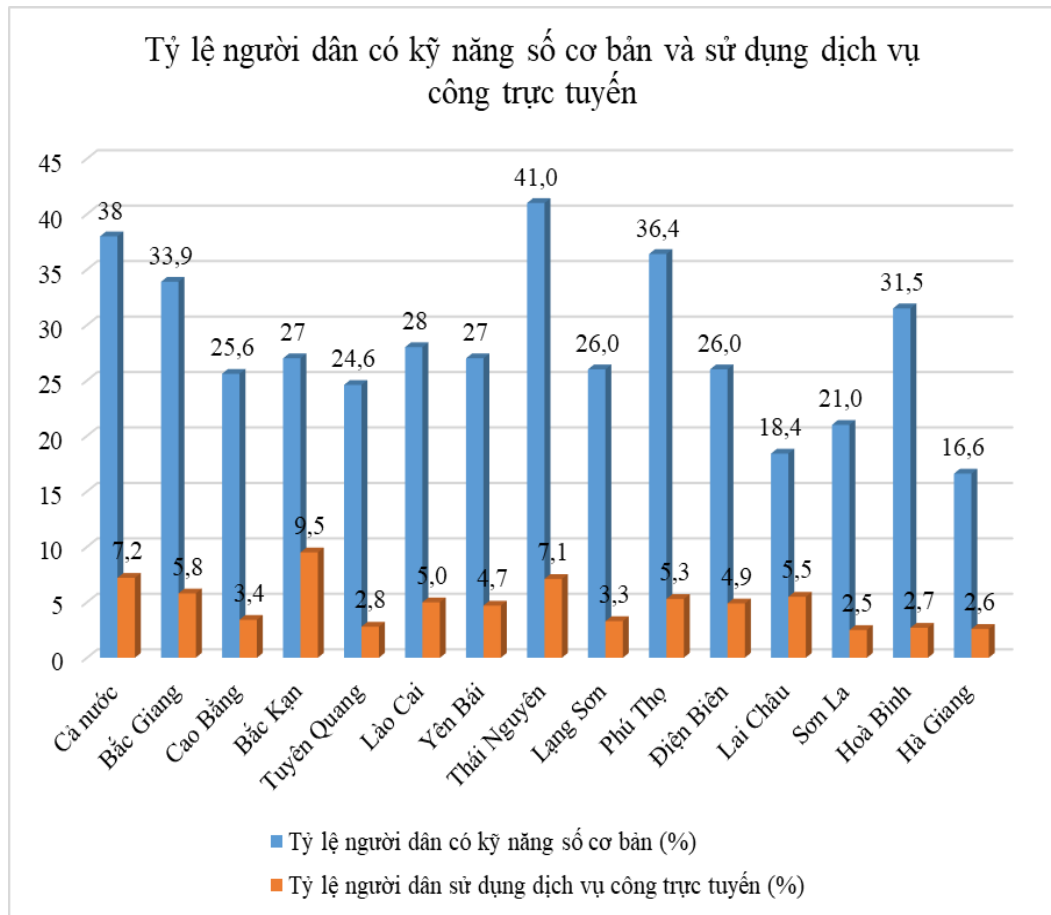
⁶ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

dụng Internet trên địa bàn tỉnh đạt 80,3% (cao hơn so với trung bình cả nước - 79,1%). Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 79,5% (cao hơn so với trung bình cả nước - 74%).



Hình 2: Tỷ lệ người dân sử dụng Internet và điện thoại thông minh

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng số cơ bản chiếm khoảng 33,9% (thấp hơn so với trung bình cả nước 38%). Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng chiếm khoảng 45%. Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến chiếm khoảng 5,8% (thấp hơn so với trung bình cả nước 7,2%).



Hình 3: Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng số cơ bản và sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Số lượng người dân sử dụng mạng xã hội cũng chiếm tỷ lệ cao với khoảng 70% dân số (thấp hơn so với trung bình cả nước 73,3%). Facebook, Google, Youtube, Zalo là các mạng xã hội và công cụ tìm kiếm được nhiều người trên địa bàn tỉnh sử dụng hiện nay. Việc sử dụng internet cũng như các mạng xã hội đúng mục đích và phù hợp sẽ là công cụ hữu hiệu góp phần quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với mỗi người dân.

5.2. Giáo dục và Đào tạo⁷

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức dạy học Tin học được duy trì thường xuyên. Ngoài việc chỉ đạo rà soát, nâng cấp hạ tầng mạng và đường truyền Internet, ngành Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo mỗi cơ sở giáo dục trang bị 01 phòng học trực tuyến trên mỗi khối lớp, triển khai bổ sung trang bị thiết bị cho các cơ sở giáo dục xây dựng, nâng cấp các phòng học để có thể dạy học trực tuyến, phục vụ các mô hình dạy học từ xa, sinh hoạt chuyên môn, kết hợp giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến...

⁷ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

Duy trì khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin quản lý và điều hành công việc dùng chung của tỉnh trong phạm vi toàn ngành. Duy trì hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp phần mềm quản lý cho 1.061 cơ sở giáo dục. Việc chuyển đổi từ hồ sơ giấy sang điện tử đã được triển khai tại 509 đơn vị từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục duy trì các nền tảng dạy học trực tuyến với 500.000 tài khoản Microsoft Office 365 và trên 17.000 tài khoản Google. Từ năm học 2023 - 2024, các trường được phép áp dụng và phê duyệt hồ sơ chuyên môn điện tử. Ngoài ra, Sở Giáo dục Đào tạo đã hoàn thiện nội dung nghiên cứu, xây dựng mô hình AI cụ thể áp dụng trong dạy học bộ môn Toán đề trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; triển khai tổ chức đào tạo chuyển giao 03 nền tảng phục vụ chuyển đổi số của ngành, gồm: (1) Xây dựng hệ thống quản lý bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khóa học trực tuyến chuẩn hóa phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học; (2) Xây dựng công cụ chuyển đổi số toàn diện công tác kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông; (3) Xây dựng phần mềm trường học số.

Kết quả thực hiện thanh toán học phí và các giao dịch khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt: Sở Giáo dục và Đào tạo và các phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán... để thực hiện thu học phí và các khoản thu khác theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Đến nay, đạt 100% đơn vị đã kết nối, tích hợp dữ liệu với các tổ chức tín dụng và trung gian thanh toán. Các cơ sở giáo dục đã trang bị phần mềm quản lý các khoản thu để tự động đối soát.

Trong công tác giảng dạy: Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục phổ thông trong toàn tỉnh. Đây là hình thức dạy học trong đó giáo viên sử dụng các ứng dụng hoặc dịch vụ của Internet để tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. 100% cán bộ, giáo viên từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào việc giảng dạy và học tập; ứng dụng phần mềm quản lý văn bản để theo dõi và phân công xử lý trên mạng nội bộ cho cán bộ, công chức.

5.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe⁸

Sở Y tế đã triển khai thành công giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh y tế của Công ty VinBrain cho 16/16 bệnh viện tuyến huyện và tuyến tỉnh trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì và sử dụng các nền tảng đã triển khai phục vụ công tác khám chữa bệnh và chỉ đạo điều hành; tiếp tục hoàn thiện Trung tâm điều hành tại Sở Y tế và cơ sở dữ liệu của ngành đáp ứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang và bảo đảm tính liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp, đồng bộ với cơ sở dữ liệu của

⁸ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

tỉnh, bộ, ngành Trung ương theo yêu cầu; hỗ trợ kinh phí cho một số đơn vị trong việc xây dựng thí điểm Bệnh án điện tử và Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để hướng tới bệnh viện thông minh (hỗ trợ đơn vị đầu tư hạ tầng và xây dựng phần mềm) tiến tới triển khai bệnh án điện tử.

Tiếp tục duy trì và sử dụng các nền tảng đã triển khai phục vụ công tác khám chữa bệnh và chỉ đạo điều hành như: Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, Nền tảng trạm y tế xã (Y tế cơ sở), nền tảng quản lý xét nghiệm, ứng dụng giải pháp trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh y tế tại các cơ sở khám bệnh, nền tảng thanh toán chi phí dịch vụ khám chữa bệnh không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế. Các đơn vị đang và tiếp tục triển khai hệ thống phần mềm quản lý chẩn đoán hình ảnh (LIS, RIS, PACS) đạt mức nâng cao theo nhóm tiêu chí hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh theo đúng quy định gồm: Bệnh viện Tâm Thần; Trung tâm y tế các huyện: Lục Ngạn, Việt Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa và phòng khám Đa khoa giao thông vận tải.

Kết quả thực hiện thanh toán viện phí, dịch vụ y tế và các giao dịch khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt: Sở Y tế đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại 24/24 đơn vị trực thuộc (các hình thức thanh toán: qua mobile money, thẻ POS, mã vuông QR, chuyển khoản qua ngân hàng).

6. Nhân lực số⁹

6.1. Nhân lực số trong cơ quan nhà nước

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin đã có những chuyển biến tích cực. Hàng năm, tỉnh đều có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Đến nay, cơ bản nguồn nhân lực tại các đơn vị đã đáp ứng được nhu cầu, tuy nhiên vẫn còn thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chủ yếu là kiêm nhiệm, bán chuyên trách nên gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các cơ quan cấp xã vẫn còn nhiều hạn chế.

Tổng số cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hiện nay là 5.235 người, trong đó có 175 người có trình độ về công nghệ thông tin từ trung cấp trở lên, chiếm 3% (Đại học trở lên 44 người, Cao đẳng 9 người, Trung cấp 122 người); 4.481 người có chứng chỉ tin học (chiếm 86%); 100% cán bộ công chức biết sử dụng máy tính, internet.

Tại các đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: Toàn tỉnh có 75/81 biên chế được giao đang làm công tác công nghệ thông tin, chuyên đổi số, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước. Trong đó, có 24 sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện đã bố trí công chức chuyên trách công nghệ thông tin

⁹ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

và chuyển đổi số, với 24 cán bộ (trong đó có 23 cán bộ có trình độ Đại học về công nghệ thông tin và 01 cán bộ có trình độ Cao đẳng về công nghệ thông tin). 07 huyện (Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Yên Thế, Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam) vẫn bố trí công chức kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Tại các đơn vị UBND cấp xã: Chưa có chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chủ yếu do cán bộ văn hoá xã làm nhiệm vụ kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của khối xã (209/209 xã thực hiện kiêm nhiệm).

Nhân lực an toàn thông tin mạng: Có 38 công chức chuyên trách an toàn thông tin mạng tại các sở, ngành, UBND cấp huyện; 17 viên chức chuyên trách về an toàn thông tin mạng; 209 công chức cấp xã kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng tại các xã, thị trấn; 120 viên chức kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng trong các đơn vị sự nghiệp.

6.2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn

a) Trong các cơ quan nhà nước

Triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc cử 33 cán bộ, công chức, viên chức tham dự học các môn bổ sung kiến thức, các môn xét tuyển và ôn tập, thi đánh giá năng lực tiếng Anh để dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 do Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tổ chức. Hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông đang phối hợp với Học viện Bưu chính Viễn thông triển khai tổ chức cho 33 học viên học các môn bổ sung kiến thức, các môn xét tuyển và ôn tập, thi đánh giá năng lực tiếng Anh để dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024.

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-STTTT ngày 26/01/2024 về tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước năm 2024. Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp cùng các đơn vị liên quan tổ chức 03 buổi tập huấn với hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến các điểm cầu cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các khóa học bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà MOOCs cho 34 đơn vị, với 1.893 học viên tham gia 10 khóa học.

Sở Nội vụ tổ chức 03 lớp bồi dưỡng cho 300 học viên là cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cập nhật kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Ngoài ra, tổ chức 06 lớp cho 600 học viên là lãnh đạo, lãnh đạo cấp phòng ngành y tế về nâng cao năng lực, chất lượng cung ứng dịch vụ công.

UBND cấp huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, Tổ công nghệ số cộng đồng xã, phường, thị trấn.

b) Cho người dân, doanh nghiệp

Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho 700 cán bộ doanh nghiệp về thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, và các kênh tiếp nhận kiến nghị. Trong tháng 9/2024, Sở đã đăng tải 15 video hướng dẫn thủ tục hành chính thường gặp lên Cổng dịch vụ công của tỉnh và tổ chức tập huấn cho doanh nghiệp.

Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục duy trì hiệu quả chuyên mục “Bắc Giang chuyển đổi số” để tuyên truyền, phát triển xã hội số, định kỳ mỗi tháng 01 số; có thời lượng 15 phút và phát lại 02 lần vào các ngày kế tiếp. Trong 9 tháng đầu năm 2024, Phòng Thời sự phát sóng khoảng hơn 30 tin, bài phóng sự, phỏng vấn trong các chương trình thời sự hàng ngày (gồm chương trình Bắc Giang ngày mới 6h sáng, Bản tin Thời sự trưa 11h30, Chương trình Thời sự tối 19h45 và Bản tin cuối ngày 22h30) có nội dung về chuyển đổi số; Phòng Chuyên đề sản xuất và phát sóng hơn 20 phóng sự có thời lượng 10 đến 15 phút vào các chuyên mục của Đài.

Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND cấp huyện kiện toàn 100% Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP cấp thôn và thực hiện tổ chức tập huấn, triển khai các nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 17/08/2023 nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

7. An toàn thông tin mạng¹⁰

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Công văn số 1130/STTTT-CNTT ngày 02/08/2024 hướng dẫn triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Đến nay, 100% hệ thống thông tin (102/102) đã được phê duyệt cấp độ bởi Chủ tịch UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông, trong đó 8 hồ sơ cấp độ được phê duyệt trong Quý III năm 2024.

Việc đảm bảo an toàn thông tin mạng được thực hiện theo mô hình 04 lớp: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) theo hình thức thuê dịch vụ, giám sát 24/7 cho các thiết bị và hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và mạng máy tính của Văn phòng UBND tỉnh. Hệ thống SOC duy trì kết nối ổn định với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Đến nay, hệ thống đã ghi nhận 20.988 cảnh báo, xử lý kịp thời 997 sự cố liên quan đến an toàn thông tin trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, 1.000 máy tính được cài đặt phần mềm bản quyền phòng chống virus, với báo cáo hàng ngày về tình trạng nhiễm mã độc gửi đến Trung tâm giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹⁰ Nguồn: Báo cáo Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ Quý III năm 2024; triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang

8. Các nhiệm vụ chuyển đổi số đã thực hiện

Tổng vốn đầu tư phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2023 đạt 506,773 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 122,476 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 384,297 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn 2020 - 2023: 288,789 tỷ đồng.
- Vốn sự nghiệp: 217,984 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

1. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đặc biệt quan tâm đến công tác ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính và đã có sự chỉ đạo xuyên suốt, linh hoạt, toàn diện nhằm đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, cải cách hành chính để hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội đề ra, đồng thời từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của tỉnh. Theo đó, chỉ số DTI tỉnh Bắc Giang 02 năm liên tiếp (2020, 2021) xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố, năm 2022, tỉnh Bắc Giang xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố; chỉ số thành phần “Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số” trong cải cách hành chính 03 năm liên tiếp (2020, 2021, 2022) xếp hạng 01/63 tỉnh, thành phố; chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam - ICT Index năm 2022 xếp thứ 05/63 tỉnh, thành phố.

Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục vận hành, duy trì hoạt động ổn định. Hệ thống Hội nghị truyền hình được trang bị từ cấp tỉnh đến cấp xã phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành kịp thời, thông suốt của lãnh đạo tỉnh và các cấp, các ngành. Hệ thống camera an ninh, camera giao thông trên toàn tỉnh hoạt động hiệu quả, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh từng bước đáp ứng cho việc triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và cung cấp các dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Thực hiện năm dữ liệu quốc gia, Sở Thông tin và Truyền thông đã kịp thời hướng dẫn các cấp, các ngành về việc xây dựng, kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu dùng chung, ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, dịch vụ số; Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh bắt đầu hoạt động; Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang tiếp tục được đầu tư mở rộng; Cổng dữ liệu mở Open Data tỉnh Bắc Giang tiếp tục được nâng cấp, cập nhật 94 danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang năm 2023.

Công tác đầu tư xây dựng, phát triển các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động của các cấp, các ngành, các địa phương

được tăng cường, cơ bản đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh như: Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo điện tử tỉnh, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc qua mạng và Hệ thống Thư điện tử công vụ đã được đầu tư, nâng cấp phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ, nhu cầu thực tế của tỉnh và được kết nối liên thông từ tỉnh đến xã.

Hoạt động kinh tế số của tỉnh đang phát triển, năm 2021 xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố, năm 2022 xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố, trong đó tập trung phát triển kinh tế số lõi ICT, từng bước phát triển kinh tế số ngành trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch.

Hoạt động xã hội số của tỉnh Bắc Giang năm 2021 xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố; năm 2022 xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố. Tỉnh Bắc Giang đã thành lập 209/209 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, 1.891/1.891 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn (hợp nhất với Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP cấp thôn) đạt 100% với khoảng 18.000 thành viên.

Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước được lãnh đạo các đơn vị quan tâm chỉ đạo, đã bố trí một phần kinh phí để trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền, trang bị thiết bị bảo mật, phòng chống tấn công mạng và thực hiện sao lưu các dữ liệu quan trọng, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin tại đơn vị.

2. Điểm yếu

Dữ liệu số: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin của tỉnh với các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dữ liệu quốc gia còn nhiều vướng mắc do mức độ sẵn sàng từ phía hệ thống thông tin của các bộ, ngành là khác nhau; hiện trạng cung cấp các API của các hệ thống cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành vẫn đang trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện nên chưa ổn định dẫn đến việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành còn đơn lẻ trong các hệ thống thông tin, cơ bản các ngành chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành thống nhất toàn tỉnh.

Nhân lực số: Trình độ về công nghệ thông tin của cán bộ công chức, viên chức nói chung tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đồng đều giữa các cơ quan, địa phương; chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ cũng như yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin cho chính quyền điện tử, chính quyền số.

Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách phục vụ chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, mỗi cơ quan nhà nước cấp sở bố trí 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thuộc biên chế Văn phòng sở; khối huyện bố trí 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc Phòng Văn hóa thông tin và 01 cán bộ thuộc Văn phòng UBND huyện. Tuy nhiên, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương ngoài việc làm nhiệm vụ chuyển đổi số lại phụ trách thêm rất

hiều lĩnh vực của cơ quan dẫn đến không còn nhiều thời gian để nghiên cứu, học hỏi nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Kinh tế số: Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có quy mô vừa và nhỏ, thiếu nguồn vốn, nguồn nhân lực, phương pháp quản lý điều hành phần lớn vẫn theo mô hình truyền thống, việc ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử vào quá trình quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh còn chưa chủ động do ngại thay đổi, khó tiếp cận hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Các doanh nghiệp, đơn vị tham gia sàn thương mại điện tử cơ bản không có nhân viên quản trị mạng, dữ liệu công nghệ thông tin, quản trị các sản phẩm, gian hàng của mình trên sàn giao dịch, dẫn đến khó khăn, hạn chế trong việc tiếp nhận các thông tin, đơn hàng và giải quyết đơn hàng cho khách hàng.

Xã hội số: Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ về những lợi ích của chuyển đổi số, của việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc, thay đổi cách thức làm việc, cách thức mua sắm, bán hàng (năm 2022 chỉ số nhận thức số tỉnh Bắc Giang xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố). Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang còn hạn chế. Số lượng người dân không có trang thiết bị hỗ trợ như máy tính, điện thoại thông minh, số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân còn thấp làm ảnh hưởng đến công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Kỹ năng số của người dân, đặc biệt ở một số địa bàn khu vực nông thôn, vùng sâu, khó khăn còn thấp, chưa có thói quen thanh toán không dùng tiền mặt, chưa sử dụng thành thạo tài khoản ngân hàng, mobile money....

An toàn thông tin mạng: Thiếu nhân lực chuyên trách an toàn thông tin được đào tạo bài bản, chuyên sâu về lĩnh vực an toàn thông tin. Đầu mỗi cán bộ phụ trách an toàn thông tin của các cơ quan đơn vị thường là kiêm nhiệm hầu hết không đúng chuyên môn về an toàn thông tin. Vì vậy, việc nghiên cứu, triển khai các giải pháp an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do:

- Nhận thức, hiểu biết về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số ở một số cấp ủy đảng, chính quyền, đơn vị, doanh nghiệp, một bộ phận cán bộ, đảng viên và phần lớn người dân chưa đầy đủ, sâu sắc.

- Một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân chưa chủ động, sáng tạo, mạnh dạn thay đổi thói quen, tư duy và hành động để đổi mới phương thức, quy trình, mô hình hoạt động và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

- Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai môi trường pháp lý trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế, còn thiếu chính sách ưu đãi, thu hút giữ chân cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân triển khai các nền tảng công nghệ số; tuyên truyền vận động, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp với tình hình thực tiễn.

- Công tác tham mưu, chỉ đạo của các sở, ban, ngành, UBND các cấp chưa quyết liệt.

PHẦN 3. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH BẮC GIANG NĂM 2025

I. QUAN ĐIỂM

Chuyển đổi số là “động lực” trong phát triển tỉnh Bắc Giang; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; cần phải kiên quyết, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Chuyển đổi nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu; hành động đồng bộ ở các cơ quan, địa phương và sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp và người dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số. Nhân lực số gồm lực lượng chuyên gia, nhân lực công nghệ số và người dân được phổ cập kỹ năng số đóng vai trò quyết định cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thế chế đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Thế chế kiến tạo phát triển kinh tế số và xã hội số, đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Khai thác tối đa mọi nguồn lực của Trung ương, của địa phương và xã hội, trong đó xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; bảo đảm an toàn, chủ động, tích cực và có trọng điểm, trọng tâm trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được đi đôi với đổi mới, sáng tạo; bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin để tạo lập, phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu số tạo tiền đề phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số dựa trên kết quả Đề án 06, gắn với cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính quyền và chất lượng dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chỉ số đánh giá về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số năm 2025; thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 111-NQ/TU của Tỉnh ủy.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số

100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).

100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung

cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Trên 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình/tổng số hồ sơ thuộc thủ tục hành chính toàn trình.

100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng.

99% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

100% hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

100% hệ thống camera giám sát tại bộ phận một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu hệ thống camera an ninh tỉnh Bắc Giang (Nền tảng camera tỉnh Bắc Giang đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Tập trung đầu tư xây dựng 02 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên. Thành phố Bắc Giang có chỉ số về đô thị thông minh trong nhóm 15 thành phố trực thuộc tỉnh đứng đầu cả nước.

b) Phát triển kinh tế số

Kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP của tỉnh.

Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.

Năng suất lao động hằng năm tăng trên 12,5%.

Phân đầu có trên 800 doanh nghiệp số.

Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

c) Phát triển xã hội số

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%.

Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%; 100% hồ sơ về dân cư trên địa bàn tỉnh được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số.

d) An toàn thông tin mạng

100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

Trên 85% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ.

80% người sử dụng Internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ đảm bảo an toàn thông tin mạng.

III. NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN

1. Nhóm nhiệm vụ phát triển Chính quyền số và đô thị thông minh

1.1. Phát triển dữ liệu số

a) Phát triển kho dữ liệu số của tỉnh

Duy trì, phát triển Kho dữ liệu số của tỉnh để quản lý thống nhất việc tích hợp, lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

Triển khai xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn, từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính quyền số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Phạm vi triển khai: 100% đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: 2025.

b) Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tích hợp vào kho dữ liệu số, cổng dữ liệu mở của tỉnh, cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh và các cơ sở dữ liệu của quốc gia.

Ưu tiên phát triển cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng: giáo dục đào tạo; y tế, bảo hiểm, an sinh xã hội; tài chính; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; du lịch; lao động, việc làm; giao thông; xây dựng; tư pháp; kế hoạch và đầu tư; thông tin và truyền thông...

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan.

Thời gian thực hiện: 2025.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành

Xây dựng, kết nối, chia sẻ, tổng hợp, phân tích, đánh giá, giám sát chất lượng thông tin, dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số tại Phụ lục II - Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 (chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, lạm phát cơ bản, thu ngân sách, chi ngân sách trung ương, giải ngân vốn đầu tư công...) và các thông tin, dữ liệu khác theo yêu cầu để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên môi trường điện tử.

Kết nối, tích hợp, chia sẻ 40 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều với các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước (tập trung vào các dữ liệu hành chính của các ngành: kế hoạch, ngân hàng, tài chính, công thương, nông nghiệp, xây dựng, tài nguyên và môi trường).

Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành liên quan.

Thời gian thực hiện: 2025.

1.2. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số

a) Phát triển hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh

Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh, đảm bảo kết nối, tích hợp,

chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Phạm vi triển khai: 100% đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: 2025.

b) Thuê dịch vụ Hệ thống quản trị thực thi trên nền tảng số

Thuê dịch vụ Hệ thống quản trị thực thi trên nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành tỉnh Bắc Giang dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, đảm bảo kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh và liên thông với hệ thống chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Các chức năng chính của hệ thống: Tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội quản trị thực thi; giám sát việc chỉ đạo điều hành của tỉnh; tổng hợp kết quả điều hành của bộ chỉ số DTI qua từng năm; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương; giám sát, tương tác giữa người dân với Chính quyền; tích hợp với các nền tảng số hiện có...

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: 2025.

c) Phát triển dịch vụ công trực tuyến

Phát triển, mở rộng 56 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp (gồm 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 và 28 dịch vụ công ưu tiên theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó, ưu tiên tích hợp nhóm thủ tục hành chính đăng ký thành lập hộ kinh doanh và đăng ký thuế, nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn lên Cổng dịch vụ công quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan.

Thời gian thực hiện: 2025.

1.3. Phát triển hạ tầng số

a) Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thành phố Bắc Giang

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) cho thành phố Bắc Giang, triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền

dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh của thành phố.

Phạm vi triển khai: Các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn thành phố (quy mô dưới 30 nút); các khu vực đông dân cư và khu vực khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Giang.

Đơn vị chủ trì: UBND thành phố Bắc Giang.

Thời gian thực hiện: 2025.

b) Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thị xã Việt Yên

- Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thị xã Việt Yên với công nghệ hiện đại, đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu các ngành, lĩnh vực và ứng dụng phần mềm để phân tích, tổng hợp số liệu, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh; hệ thống máy chủ, lưu trữ dữ liệu, an toàn thông tin mạng nhằm lưu trữ và phân tích lượng dữ liệu lớn từ các cảm biến IoT và các thiết bị kết nối trong đô thị.

- Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) cho thị xã Việt Yên, triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh.

Phạm vi triển khai: Các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn thành phố (quy mô dưới 30 nút); các khu vực đông dân cư và khu vực khu công nghiệp trên địa bàn thị xã Việt Yên.

Đơn vị chủ trì: UBND thị xã Việt Yên.

Thời gian thực hiện: 2025.

2. Nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số

2.1. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Triển khai ứng dụng nền tảng hợp đồng điện tử thúc đẩy doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin ứng dụng hợp đồng điện tử trong các giao dịch và quản lý lao động, từ đó tối ưu hóa quy trình làm việc và giảm chi phí vận hành, nhằm đạt mục tiêu 80% doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử, tăng cường tính minh bạch trong các giao dịch kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2. Phát triển kinh tế số ngành

2.2.1. Phát triển thương mại điện tử

Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử:

- Hoàn thiện, nâng cấp phát triển sàn thương mại điện tử 24h.vn của tỉnh, kết nối, chia sẻ thông tin với các sàn thương mại điện tử của các tỉnh nhằm quảng bá, giới thiệu và bán các sản phẩm nông sản hàng hóa của địa phương.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử, phổ biến chính sách pháp luật về thương mại điện tử cho cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh; tổ chức đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân... nhằm nâng cao trình độ tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp, tăng khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

- Hỗ trợ và hoàn thiện, phát triển hạ tầng, các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động..., hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, ứng dụng các công nghệ số nhằm cải tiến mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; nghiên cứu lựa chọn ngành, lĩnh vực ưu tiên để phát triển các ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và ứng dụng các công nghệ mới trong thương mại điện tử, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; phối hợp với: Cục Thương mại điện tử và kinh tế số - Bộ Công Thương, các sàn thương mại điện tử, các ngân hàng thương mại hỗ trợ các kỹ năng kinh doanh trực tuyến, mở tài khoản thanh toán trực tuyến, hỗ trợ khởi tạo gian hàng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã và các tổ chức sản xuất kinh doanh tại Bắc Giang nhằm đưa các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, ocop lên quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trên môi trường trực tuyến.

- Triển khai ứng dụng rộng rãi nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

Đảm bảo 100% sản phẩm OCOP của tỉnh sẽ được giới thiệu và kinh doanh trên các sàn TMĐT và các nền tảng kinh doanh trực tuyến; 50% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tham gia kinh doanh trên các nền tảng trực tuyến.

Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.2. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị theo chương trình OCOP của tỉnh.

a) Xây dựng mô hình chuỗi liên kết thủy sản, sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng mô hình chuỗi liên kết thủy sản, sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa trong sản xuất thủy sản thâm canh theo Đề án “Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025”.

Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện: 2025.

b) Phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý nông nghiệp và nông thôn

Phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý nông nghiệp và nông thôn:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các sản phẩm, khu vực trồng trọt nông nghiệp trọng điểm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu các công trình đê điều, thủy lợi.

- Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chăn nuôi tỉnh Bắc Giang.

- Số hoá cho 45 vùng trồng cây ăn quả tập trung vào nhóm sản phẩm xuất khẩu có thế mạnh của tỉnh như: Vải thiều, nhãn, cam, bưởi; Cập nhật cơ sở dữ liệu giám sát dịch bệnh cây trồng trên phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia do Cục Bảo vệ thực vật thống nhất quản lý trên địa bàn toàn quốc.

- Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý về cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và kết quả thanh kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu số, Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm phục vụ quản lý và điều hành. Tiếp tục triển khai Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đảm bảo kết nối đến Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.3. Du lịch

Ứng dụng công nghệ VR360 vào công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa và quảng bá phát triển du lịch:

Ứng dụng công nghệ quét 3D, video 360, công nghệ thực tế ảo (AR) để số hóa các di sản văn hóa, danh lam, thắng cảnh tỉnh Bắc Giang nhằm bảo tồn phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa, tăng thêm hình thức trải nghiệm du lịch qua ứng dụng công nghệ thực tế ảo, từ đó thúc đẩy du lịch thông minh tại các khu điểm du lịch tỉnh Bắc Giang.

Tạo lập cơ sở dữ liệu về kiến trúc, cảnh quan, di sản văn hóa và hệ sinh thái đặc trưng của các khu, điểm du lịch trong tỉnh.

Phạm vi triển khai: Ưu tiên số hóa tại Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ và điểm du lịch chùa Vĩnh Nghiêm.

Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.4. Giao thông vận tải

Kết nối, tích hợp chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải:

Kết nối, tích hợp chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải cho các cơ quan có nhu cầu sử dụng thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh Bắc Giang, chia sẻ cho người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và sử dụng dữ liệu trong quá trình di chuyển, vận chuyển hàng hóa. Bao gồm:

- Dữ liệu hạ tầng giao thông đường bộ; dữ liệu quản lý phương tiện và người tham gia giao thông; dữ liệu về giao thông công cộng (xe buýt, nhà ga, bến xe và các dịch vụ vận tải công cộng khác).

- Tích hợp và chia sẻ liên ngành: Dữ liệu ngành giao thông vận tải sẽ được kết nối và chia sẻ với các lĩnh vực khác như xây dựng, quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, an ninh trật tự để hỗ trợ công tác quản lý đa ngành hiệu quả.

Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông Vận tải.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.5. Tài nguyên và môi trường

a) Xây dựng ứng dụng phân tích và dự báo về môi trường thời gian thực, các hệ thống giám sát liên tục phục vụ cho các bãi rác, lò xử lý rác thải

Xây dựng ứng dụng phân tích và dự báo môi trường thời gian thực tại các bãi rác và lò xử lý rác thải nhằm giám sát liên tục các thông số về môi trường như không khí, nước và chất thải rắn, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và rủi ro môi trường cho cộng đồng và hệ sinh thái xung quanh các bãi rác và lò xử lý rác thải. Đảm bảo kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu số, Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh và hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia ngành tài nguyên và môi trường nhằm phục vụ quản lý và điều hành, báo cáo và chia sẻ thông tin môi trường một cách nhanh chóng và chính xác.

Với các chức năng chính: Thu thập và giám sát dữ liệu môi trường thời gian thực; Phân tích và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm (phân tích dữ liệu môi trường; dự báo xu hướng ô nhiễm; Cảnh báo sớm); báo cáo và quản lý dữ liệu.

Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian thực hiện: 2025.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường

Phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của huyện Lục Ngạn và Sơn Động.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake);
- Số hóa và chuẩn hóa thông tin để hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của 02 huyện (Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang).

Đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu số, Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia ngành tài nguyên và môi trường nhằm phục vụ quản lý và điều hành.

Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian thực hiện: 2025.

c) Thực hiện thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang

Triển khai thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang để quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai trong toàn tỉnh. Bao gồm các hạng mục chính:

+ Thuê phần mềm nội bộ phục vụ việc quản lý, chia sẻ thông tin cơ sở dữ liệu đất đai trên nền GIS.

+ Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin có liên quan (như hệ thống máy chủ, lưu trữ, an toàn thông tin mạng...).

Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.6. Lao động, Thương binh và Xã hội

Xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu ngành lao động, thương binh và xã hội:

Nâng cấp phần mềm Kho dữ liệu số hoá dùng chung ngành Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang nhằm quản lý khối lượng lớn dữ liệu liên quan đến người lao động, thương binh, người có công và các chương trình hỗ trợ xã hội.

Nâng cao khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Đảm bảo dữ liệu số hóa được kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin khác trong tỉnh thông qua Kho dữ liệu số của tỉnh và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh, đồng thời kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội và các hệ thống khác thuộc ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu.

Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ người có công (hiện chưa số hóa - khoảng 60 nghìn hồ sơ).

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội.

Thời gian thực hiện: 2025.

2.2.7. Xây dựng

Cập nhật các đề án quy hoạch trên hệ thống cơ sở dữ liệu GIS về hạ tầng đô thị

Tiếp tục cập nhật các đề án quy hoạch trên hệ thống cơ sở dữ liệu GIS về hạ tầng đô thị (Cập nhật vào CSDL GIS 02 đề án Quy hoạch chung đô thị cấp huyện (gồm: Quy hoạch chung đô thị Chũ, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên); 05 đề án Quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh (đã phê duyệt); 15 đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để thu hút đầu tư, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Đơn vị chủ trì: Sở Xây dựng.

Thời gian thực hiện: 2025.

3. Nhóm nhiệm vụ phát triển xã hội số

3.1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Xây dựng và triển khai nền tảng quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách điện tử trong các trường trung học phổ thông công lập:

Xây dựng nền tảng hỗ trợ chuyên đổi số trong công tác quản lý hồ sơ chuyên môn đối với các cơ sở giáo dục phổ thông. Góp phần cung cấp công cụ quản lý, kiểm duyệt, hệ thống hóa, lưu trữ các thể loại hồ sơ của giáo viên, của tổ chuyên môn, của nhà trường theo quy định hiện hành; từng bước thực hiện số hóa, hình thành cơ sở dữ liệu về hồ sơ sổ sách phục vụ các nhu cầu công tác chuyên môn, nghiệp vụ quản lý trong mỗi nhà trường và các cấp quản lý giáo dục.

Đảm bảo tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống có liên quan thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; đồng thời kết nối với hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia của ngành giáo dục và đào tạo.

Phạm vi triển khai: 100% các trường trung học phổ thông công lập (gồm 35 trường).

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thực hiện: 2025.

3.2. Lĩnh vực y tế

Hoàn thiện, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành y tế tập trung (Trung tâm điều hành y tế thông minh tỉnh Bắc Giang):

Hoàn thiện, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành y tế tập trung (Trung tâm điều hành y tế thông minh tỉnh Bắc Giang) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế, đảm bảo việc kết nối dữ liệu tại các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh. Bao gồm:

+ Xây dựng phần mềm quản lý điều hành tại Sở y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế.

+ Xây dựng kho cơ sở dữ liệu y tế tập trung và tích hợp với kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

+ Xây dựng công cụ thu thập dữ liệu y tế từ tất cả các cơ sở y tế.

+ Xây dựng hệ thống báo cáo điều hành thông minh (dashboard) phục vụ công tác chỉ đạo chuyên môn ngành y tế.

Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.

Thời gian thực hiện: 2025.

4. Nhóm nhiệm vụ về an toàn thông tin mạng

4.1. Thực hiện thuê Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)

Thực hiện thuê Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) để giám sát, quản lý bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, đảm bảo 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối với Hệ thống hỗ trợ, giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia để đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: 2025.

4.2. Triển khai đánh giá tình hình bảo đảm an toàn thông tin mạng các hệ thống thông tin của tỉnh

Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp nhằm nâng cao khả năng phòng chống và ứng phó trước các sự cố an ninh mạng, đồng thời tối ưu hóa các biện pháp bảo mật.

Phạm vi triển khai: 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh (các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên).

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: 2025.

IV. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia.

Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, Kiến trúc tham chiếu ICT Đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Xây dựng “Đề án triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học giai đoạn 2024-2026”.

Cập nhật, xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số. rà soát các thủ tục hành chính công, quy trình nghiệp vụ trong các đơn vị sở, ngành, địa phương theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Rà soát loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.

Xây dựng các chính sách về cơ sở dữ liệu (chiến lược chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu; danh mục dữ liệu; danh mục cơ sở dữ liệu; quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu; kế hoạch mở dữ liệu).

Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện, cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, công nghệ cao, thương mại điện tử... thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số.

Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ dân quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước.

Xây dựng và ban hành các quy định, cơ chế khuyến khích người dân, doanh nghiệp trong sử dụng các nền tảng phục vụ kinh tế số như tài chính số, thương mại điện tử, phát triển kinh tế chia sẻ và chuyển đổi số theo từng lĩnh vực ngành nghề trọng điểm của tỉnh.

2. Truyền thông, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về kỹ năng số

Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công

nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội ngành nghề thành phố trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc chuyển đổi số tại tỉnh.

Tăng cường liên kết giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với các hội, hiệp hội các lĩnh vực chuyên ngành khác để tạo hiệu ứng lan tỏa chuyển đổi số trong xã hội.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các cơ quan nhà nước; tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các nền tảng số, dữ liệu số, ứng dụng số, các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước các cấp đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch, phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi mô hình sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp khi chuyển đổi sang mô hình kinh tế số ở trên thế giới và ở Việt Nam.

Tổ chức các chương trình trao đổi với doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số.

Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với doanh nghiệp, trước hết là những người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp, chủ yếu trả lời câu hỏi làm sao để thực hiện chuyển đổi số.

Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số để thực hiện tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh nhằm tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh để thu hút, định hướng người dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, tham gia xây dựng chính quyền số, tạo sự đồng thuận trong xã hội và toàn bộ hệ thống chính trị.

3. Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp

Khai thác và sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Gắn kết việc số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

Đổi mới tổ chức quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc đơn giản hoá trong chuẩn bị, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cụ thể:

+ Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm tính liên tục, thống nhất, thuận lợi, đơn giản, đồng bộ, toàn vẹn dữ liệu, tránh lãng phí trong suốt quá trình từ khâu tiếp nhận, xử lý đến trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thực hiện cắt giảm các thủ tục hoặc các bước kiểm tra, xác nhận thông tin khi đã có thông tin, dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công.

+ Đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ phải nộp và tiếp nhận trên cơ sở tái sử dụng các hồ sơ, giấy tờ đã được số hóa trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công.

Mở rộng việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các thủ tục hành chính về hộ tịch, cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, thuế...

Đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới. Ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc giám sát, đánh giá tự động một cách thường xuyên, liên tục, chủ động, kịp thời tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã cũng như mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính.

Không bắt buộc người dân cung cấp lại các thông tin mà cơ quan nhà nước đã có hoặc người dân đã từng cung cấp.

Chủ động xây dựng kênh tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp. Triển khai nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

4. Thúc đẩy liên kết, hợp tác

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Huy động nguồn lực doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công tư; cung cấp dữ liệu mở để tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tạo ra sản phẩm mới.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Đề án Chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số tại tỉnh Bắc Giang.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc thường xuyên tình hình triển khai Đề án và tổng hợp, đánh giá các nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, báo cáo Ban Chỉ đạo (định kỳ 03 tháng, 06 tháng, năm và đột xuất); đề xuất cập nhật, bổ sung các nội dung Đề án khi cần thiết, đáp ứng tình hình thực tế.

Chủ trì tham mưu Ban Chỉ đạo triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số theo kiến trúc của Chính phủ. Chủ trì tham mưu triển khai các nền tảng, phần mềm lõi phục vụ chính quyền số tỉnh.

Chủ trì tổ chức triển khai công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và vai trò chuyển đổi số trong cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp. Tạo sự đồng thuận toàn xã hội cùng tham gia, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

Hỗ trợ các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình thực hiện Đề án.

Thẩm định các kế hoạch, chương trình, dự án chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp theo Đề án Chuyển đổi số tỉnh.

Chủ trì, phối hợp tham mưu danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghệ số, công nghệ thông tin để làm cơ sở thu hút, mời gọi đầu tư.

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn đối với công chức, viên chức để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện chuyển đổi số.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các dự án đầu tư lĩnh vực chuyển đổi số cấp tỉnh quản lý

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án. Xây dựng, triển khai các nền tảng số phục vụ giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh và các nền tảng phục vụ cho đào tạo, quản lý ngành giáo dục.

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh các nội dung có liên quan về chuyển đổi số ngành giáo dục.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện chuyển đổi số.

7. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã

Căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Đề án, triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết chuyển đổi số trong ngành, địa phương, đơn vị phụ trách, trong đó xác định lộ trình, cân đối, phân kỳ nguồn lực đầu tư hợp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm người đứng đầu trước UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông.

Triển khai hiệu quả phần mềm cơ sở dữ liệu và quản lý nhà nước chuyên ngành, thiết lập cơ sở dữ liệu dùng chung của đơn vị; tổ chức làm sạch, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu số của tỉnh phục vụ chia sẻ, kết nối, liên thông dữ liệu.

8. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số

Tích cực tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Thể hiện vai trò dẫn dắt, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; lên kế hoạch và tham gia hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

9. Các tổ chức, đoàn thể, hiệp hội

Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan vận động, tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số, năng lực số trong toàn xã hội.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
A	Nhiệm vụ					
I	Phát triển chính quyền số và đô thị thông minh					
1	Phát triển, mở rộng dịch vụ công trực tuyến		Phát triển, mở rộng 56 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp (gồm 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 và 28 dịch vụ công ưu tiên theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó, ưu tiên tích hợp nhóm thủ tục hành chính đăng ký thành lập hộ kinh doanh và đăng ký thuế, nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn lên Cổng dịch vụ công quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Nhiệm vụ mới - Theo Thông báo số 344/TB-VPCP ngày 24/7/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	2025
II	Phát triển kinh tế số					
1	Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin					
1.1	Triển khai ứng dụng nền tảng hợp đồng điện tử thúc đẩy doanh nghiệp công nghiệp		Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin ứng dụng hợp đồng điện tử trong các giao dịch và quản lý lao động, từ đó tối	Nhiệm vụ mới	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	2025

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
	công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh		ưu hóa quy trình làm việc và giảm chi phí vận hành, nhằm đạt mục tiêu 80% doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử, tăng cường tính minh bạch trong các giao dịch kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.			
2	Phát triển kinh tế số ngành					
2.1	Xây dựng mô hình chuỗi liên kết thủy sản, sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm		Xây dựng mô hình chuỗi liên kết thủy sản, sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa trong sản xuất thủy sản thâm canh theo Đề án "Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025".	Nhiệm vụ mới - Theo Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2025

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
2.2	Ứng dụng công nghệ VR360 vào công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa và quảng bá phát triển du lịch		<p>Ứng dụng công nghệ quét 3D, video 360, công nghệ thực tế ảo (AR) để số hóa các di sản văn hóa, danh lam, thắng cảnh tỉnh Bắc Giang nhằm bảo tồn phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa, tăng thêm hình thức trải nghiệm du lịch qua ứng dụng công nghệ thực tế ảo, từ đó thúc đẩy du lịch thông minh tại các khu điểm du lịch tỉnh Bắc Giang. Tạo lập cơ sở dữ liệu về kiến trúc, cảnh quan, di sản văn hóa và hệ sinh thái đặc trưng của các khu, điểm du lịch trong tỉnh. Phạm vi triển khai: Ưu tiên số hóa tại Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ và điểm du lịch chùa Vĩnh Nghiêm.</p>	<p>Nhiệm vụ mới - Thực hiện theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>2025</p>

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
2.3	Xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu ngành lao động, thương binh và xã hội		<p>Nâng cấp phần mềm Kho dữ liệu số hoá dùng chung ngành Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang nhằm quản lý khối lượng lớn dữ liệu liên quan đến người lao động, thương binh, người có công và các chương trình hỗ trợ xã hội.</p> <p>Nâng cao khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Đảm bảo dữ liệu số hóa được kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin khác trong tỉnh thông qua Kho dữ liệu số của tỉnh và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh, đồng thời kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội và các hệ thống khác thuộc ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu. Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ người có công (hiện chưa số hóa - khoảng 60 nghìn hồ sơ).</p>	Nhiệm vụ mới - Đề xuất của Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội	2025

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
2.4	Thuê dịch vụ “Hệ thống quản trị thực thi trên nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành tỉnh Bắc Giang”		Thuê dịch vụ Hệ thống quản trị thực thi trên nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành tỉnh Bắc Giang dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, đảm bảo kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh và liên thông với hệ thống chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Các chức năng chính của hệ thống: Tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội quản trị thực thi; giám sát việc chỉ đạo điều hành của tỉnh; tổng hợp kết quả điều hành của bộ chỉ số DTI qua từng năm; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương; giám sát, tương tác giữa người dân với Chính quyền; tích hợp với các nền tảng số hiện có...	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông	2025
III	Phát triển xã hội số					
1	Ban hành chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến		Ban hành chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Với các chính sách ưu đãi để giảm chi phí và thời gian cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện sử dụng dịch vụ công trực tuyến (trong đó, ưu tiên 56 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp). Nhằm đảm bảo thu hút 50% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Nhiệm vụ mới	Sở Thông tin và Truyền thông	2025
B	Dự án					

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Phát triển chính quyền số và đô thị thông minh					
1		Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thành phố Bắc Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) cho thành phố Bắc Giang, triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh của thành phố. - Phạm vi triển khai: Các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn thành phố (quy mô dưới 30 nút); các khu vực đông dân cư và khu vực khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Giang. 	Dự án mới - Thực hiện theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh	UBND thành phố Bắc Giang	2025
2		Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thị xã Việt Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thị xã Việt Yên với công nghệ hiện đại, đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu các ngành, lĩnh vực và ứng dụng phần mềm để phân tích, tổng hợp số liệu, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh; hệ thống máy chủ, lưu trữ dữ liệu, an toàn thông tin mạng nhằm lưu trữ và phân tích lượng dữ liệu lớn từ các cảm biến IoT và các thiết bị kết nối trong đô thị. - Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) cho thị xã Việt Yên, triển khai tích hợp cảm biến 	Dự án mới - Thực hiện theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh	UBND thị xã Việt Yên	2025

TT	Nhiệm vụ	Dự án	Nội dung, quy mô	Tình trạng triển khai	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
			<p>và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh của thành phố.</p> <p>- Phạm vi triển khai: Các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn thành phố (quy mô dưới 30 nút); các khu vực đông dân cư và khu vực khu công nghiệp trên địa bàn thị xã Việt Yên.</p>			